CHẤT LƯỢNG VÀ NIỀM TIN

Ultimaker

Tiertime

Sharebot

Shining

QUACERT JAS-ANZ ISO 9001:2015

GIỚI THIỆU

CÔNG TY CỔ PHẦN IN3DS là chuyên gia cho giải pháp in 3D cũng như các sản phẩm trong lĩnh vực in 3D. IN3DS hiện là đại diện của các thương hiệu cung cấp sản phẩm và giải pháp công nghệ in 3D hàng đầu trên thế giới tại Việt Nam như:

- Ultimaker (https://ultimaker.com). Nhà ủy quyền chính hãng tại Việt Nam
- Shining3D (http://en.shining3d.com)
- Tiertime (https://www.tiertime.com/)
- Sharebot (https://www.sharebot.it/). Phân phối độc quyền tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN3DS đã không ngừng phát triển khi đã và đang không ngừng mang lại cho người dùng những sản phẩm công nghệ in 3D chính hãng, chất lượng, đa dạng các loại khác nhau cùng với đó là những công nghệ in hoàn hảo, mang lại sự hài lòng cao nhất cho khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN3DS là đại diện cung cấp các sản phẩm máy in 3D, vật liệu in 3D cho các thương hiệu lớn trên thế giới. Là chuyên gia trong lĩnh vực in 3D để áp dụng vào các lĩnh vực giáo dục, kiến trúc, sản xuất ô tô, trong sản xuất, kỹ thuật chế tạo, nghiên cứu khoa học, y tế, nghệ thuật…

Tìm tới CÔNG TY CỔ PHẦN IN3DS, khách hàng sẽ được sở hữu trải nghiệm những sản phẩm máy in 3D hàng đầu chất lượng cùng với những cam kết sau:

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như giải pháp trong lĩnh vực in 3D
- Phòng nghiên cứu phát triển, hỗ trợ với đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm luôn làm việc trực tiếp hàng ngày với những đối tác nước ngoài tới từ nhiều quốc gia khác nhau như Đức, Italia, Trung Quốc, Hà Lan, từ đó sẽ mang tới cho khách hàng những sản phẩm cũng như tư vấn hỗ trợ tốt nhất.
- Hỗ trợ khách hàng trong suốt quá trình khách hàng đang dùng các sản phẩm của công ty.

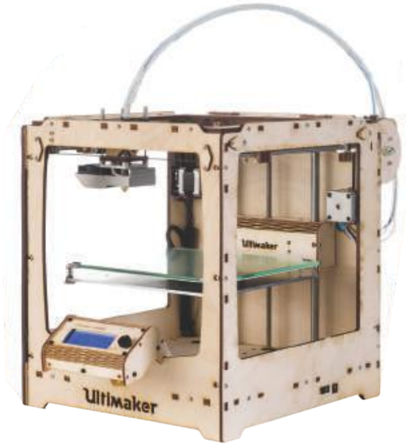

Ultimaker Original +

Dung tích in: 210 x 210 x 205 mm
(Dài x Rộng x Cao)
Vật liệu: PLA, ABS, CBE
Độ phân giải: Từ 200 micron đến 20 micron
Tốc độ: Tốc độ in 8 mm^3/s

Ultimaker 2 +

Dung tích in: 223 x 223 x 205 mm
Vật liệu: PLA, ABS, CPE, CPE+, PC, Nylon, TPU 95A
Độ phân giải: Từ 600 micron đến 20 micron
Tốc độ:
- Tốc độ in 8 mm^3/s
- Tốc độ hành trình 300 mm/s

Ultimaker 2 Extended +

Dung tích in: 223 x 223 x 305 mm
Vật liệu: PLA, ABS, CPE, CPE+, PC, Nylon, TPU 95A
Độ phân giải: Từ 600 micron đến 20 micron
Tốc độ:
- Tốc độ in 8 mm^3/s
- Tốc độ hành trình 300 mm/s

Ultimaker 3

Dung tích in: 215 x 215 x 200 mm
Vật liệu: Nylon, PLA, ABS, CPE, CPE+, PVA, PC, TPU 95A, PP, vật liệu tương thích
Độ phân giải: Từ 600 micron đến 20 micron
Tốc độ:
- Tốc độ in 24 mm^3/s
- Tốc độ hành trình 300 mm/s

Ultimaker 3 Extended

Dung tích in: 215 x 215 x 300 mm
Vật liệu: Nylon, PLA, ABS, CPE, CPE+, PVA, PC, TPU 95A, PP, vật liệu tương thích
Độ phân giải: Từ 600 micron đến 20 micron
Tốc độ:
- Tốc độ in 24 mm^3/s
- Tốc độ hành trình 300 mm/s

Ultimaker S5

Dung tích in: 330 x 240 x 300 mm
Vật liệu: PLA, Tough PLA, Nylon, ABS, CPE, CPE+, PC, TPU 95A, PP, PVA, vật liệu tương thích
Độ phân giải: Từ 600 micron đến 20 micron
Tốc độ: Tốc độ in 24 mm^3/s
- Tốc độ hành trình 300 mm/s

VẬT LIỆU ULTIMAKER

Vật liệu chính hãng máy in 3D Ultimaker

- ABS (Acrylonitrile Butadiene Styrene): rất chắc chắn và bền lâu, chịu lực ép và lực kéo tốt, chịu được nhiệt độ lên đến 85°C, thích hợp cho các bộ phận cơ học của máy
- PLA (Polylactic Acid): ưu điểm in nhanh và dễ dàng, chất lượng bề mặt bóng mịn, chất lượng in ổn định

LINH KIỆN CHÍNH HÃNG MÁY IN 3D ULTIMAKER

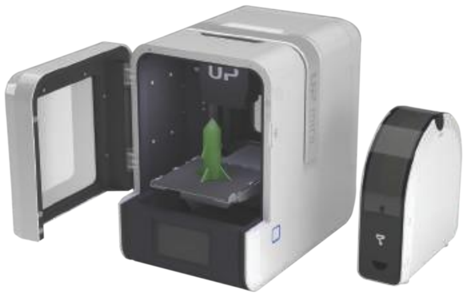

UP Mini 2

Dung tích in: 120 x 120 x 120 mm
Vật liệu: ABS, ABS+, PLA, TPU, Nylon, PC, sợi carbon, PET, ASA
Độ phân giải: Trung bình 150 micron
Tốc độ:
- Tốc độ in 8 mm^3/s
- Tốc độ hành trình 300 mm/s

UP Box +

Dung tích in: 255 x 205 x 205 mm
Vật liệu: PLA, ABS, ABS+, Nylon, PE, PET, ASA
Độ phân giải: 100 micron
Tốc độ:
- Tốc độ in 8 mm^3/s
- Tốc độ hành trình 300 mm/s

UP 300

Dung tích in: 205 x 255 x 255 mm
Vật liệu: PLA, ABS, ABS+, TPU
Độ phân giải: 100 - 10 micron
Tốc độ:
- Tốc độ in 8 mm^3/s
- Tốc độ hành trình 300 mm/s

Cetus MK3 Extended

Dung tích in: 180 x 180 x 180 mm
Vật liệu: PLA, ABS, ABS+, TPU
Độ phân giải: 50 micron
Tốc độ:
- Tốc độ in 8 mm^3/s
- Tốc độ hành trình 300 mm/s

VẬT LIỆU, LINH KIÊN THAY THẾ CHÍNH HÃNG

MÁY IN 3D SHAREBOT (XUẤT XỨ ITALIA)

Sharebot Antares

Dung Tích in: 250 x 250 x 250 mm
Bước Sóng: 405nm
Công Suất nguồn Laser: 150mW
Sharebox3D: Tích Hợp
Độ chính xác: 0,05mm (50 micron)
Độ phân giải trục XY: 0,1mm

Sharebot Snowwhite

Dung Tích in: 100 x 100 x 100 mm
Độ chính xác(Z): 50 micron
Độ phân giải trục XY: 100 micron
Nguồn laser: CO_2 - 14Watt
Tốc độ (Z): 35 mm/h
Tốc độ quyét: 3500 mm/s
Nhiệt độ bàn in: 190°C

Sharebot Q

Dung Tích in: 400 x 300 x 300 mm
Độ chính xác(Z): 50 micron
Bàn in gia nhiệt: Tích hợp
Cảm biến vật liệu: Tích hợp
Hiển thị: Màn hình màu cảm ứng, 5”
Vòi phun: 0,4mm (có thể thay thế)
Vật liệu: PLA-S, ABS, TPU, Nylon Carbon, Nylon Glass

Sharebot QXXL

Dung tích in: 700 x 350 x 300 mm
Độ chính xác (Z): >20 micron
Độ chinh xác (XY): 0,2mm
Bàn in gia nhiệt: Tối đa 90°C
Nhiệt độ đầu in: Tới 260°C
Hiển thị: Màn hình màu cảm ứng, 5”
Vòi phun: 0,4mm (có thể thay thế)
Vật Liệu: PLA-S, ABS, TPU, Nylon Carbon, Nylon Glass

MÁY IN 3D SHAREBOT (XUẤT XỨ ITALIA)

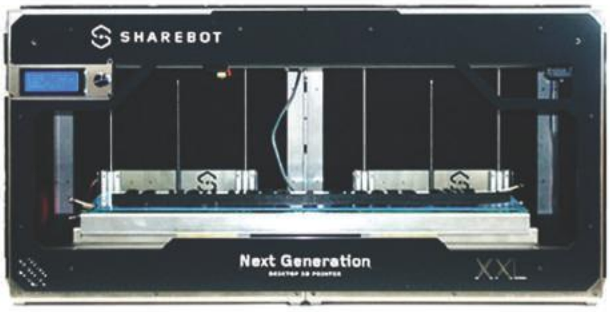

Sharebot XXL plus

Dung tích in: 705 x 250 x 200 mm
Độ chính xác(Z): 100 micron
Bàn in gia nhiệt: Tích hợp
Cảm biến vật liệu: Tích hợp
Vòi phun: 0,4mm (có thể thay thế)
Vật liệu: PLA-S, ABS, TPU,

Sharebot Rover

Dung tích in: 2,45 x 4,52 x 3,93 inch
Độ chính xác (Z): 20-100 micron
Vật liệu: Resin S-clear, S-tough, S-rigid

Sharebot 42

Dung tích in: 250 x 200 x 200 mm
Độ chính xác (Z): 50 micron
Bàn in gia nhiệt tự động căn chỉnh: Tích hợp
Cảm biến vật liệu: Tích hợp
Kết nối mạng LAN: Có sẵn
Vòi phun: 0,4mm (có thể thay thế)
Vật liệu: PLA-S, ABS, TPU, Nylon Carbon, Nylon Glass.

VẬT LIỆU, LINH KIỆN
CHÍNH HÃNG SHAREBOT ITALY

EP iSLA350

Nền tảng in:	350 x 350 x 200mm (Dài x rộng x cao)
Độ dày lớp:	0.05-0.2mm(tuỳ chọn)
Độ chính xác in:	±0.05mm(tới 100mm) or ±0.05%(trên 100mm)
Tốc độ quét:	tới 10m/s
Bước sóng laser:	355nm
Năng lượng laser:	1W
Máy quét điện kế:	SCANLAB từ Đức
Kích thước điểm laser:	0.1mm-0.8mm
Tài liệu in:	355nm nhựa cảm quang
Nguồn điện:	220V, 50kHZ, 2.5kW

EP-iSLA450

Nên tảng in	450 x 450 x 300 mm
Độ dày lớp	0.05 mm - 0.25 mm
Độ chính xác	0.08-0.2mm (tiêu chuẩn); 0.08~0.8mm (tuỳ chọn)
Độ chính xác có thể	±0.1 mm (L<100 mm); ±0.1%xL (L≥100 mm)
Tóc độ quét	6 m/s~10 m/s
Điệp áp sử dụng	00-240 VAC, 50/60 Hz

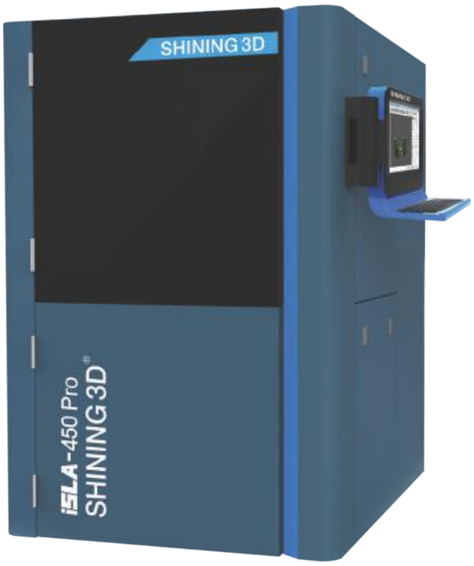

EP-iSLA650

Nên tảng in	650 x 600 x 400 mm
Độ dày lớp	0.05 mm - 0.25 mm
Độ chính xác	0.08-0.2mm (tiêu chuẩn); 0.08~0.8mm tuỳ chọn)
Độ chính xác có thể	±0.1 mm (L<100 mm); ±0.1%xL (L≥100 mm)
Tóc độ quét	6 m/s~10 m/s

EP-P3850

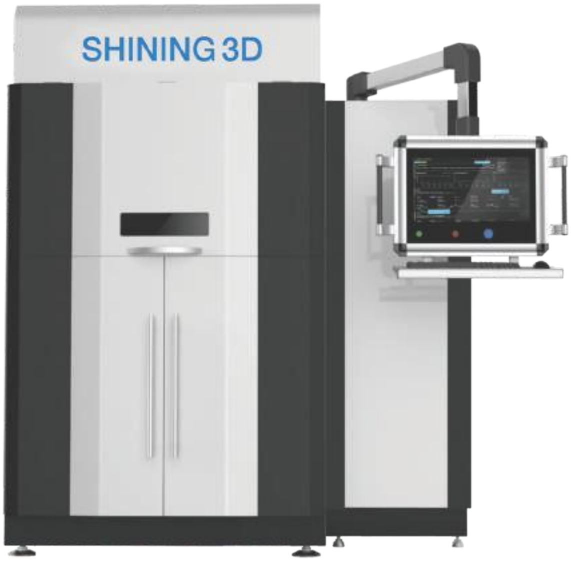

Vật liệu:	PA12 , PA12GF , PP , TPU , PE , TPE
Dung tích in:	380 x 380 x 500 mm0.1 mm
Độ dày lớp:	(lựa chọn từ 0.08-0.3 mm)
Độ chính xác:	±0.15 mm (part size ≤100 mm) , ±0.15% (part size ≥100 mm)
Hệ thống quét:	Dynamic scanning focus
Tốc độ quét:	7.8 m/s (tối đa)
Phần mềm điều khiển:	Eplus 3D printing software
Cung cấp không khí:	Compressed air, N2 protective gas
Điện áp:	380 v, 50 Hz, 3-phase

EP-C5050

Vật liệu:	PS, cát nhựa, TPU, v.v..
Dung tích in:	500 x 500 x 500 mm
Độ dày lớp:	0.15 mm (0.04-0.3 mm để chọn)
Độ chính xác:	± 0.15 mm (part size≤100 mm), ± 0.15% (part size ≥100 mm)
Hệ thống quét:	Dynamic scanning focus
Tốc độ quét:	6 m/s (tối đa)
Phần mềm điều khiển:	Eplus 3D printing software
Điệp áp sử dụng:	380 v, 50 Hz, 3-phase

EP - C7250

Vật liệu:	PS, cát nhựa, TPU, v.v…
Dung tích in:	700 x 700 x 500 mm
Độ dày lớp:	0.15 mm (0.04-0.3 mm để chọn)
Độ chính xác:	± 0.15 mm (part size≤100 mm), ± 0.15% (part size ≥100 mm)
Hệ thống quét:	Dynamic scanning focus
Tốc độ quét:	8 m/s (max)
Phần mềm điều khiển:	Eplus 3D printing software
Điệp áp sử dụng:	380 v, 50 Hz, 3-phase

EP M100T

Vật chất: Các loại thép trong xây dựng
Khối lượng xây dựng: 120 × 120 × 80 mm
Độ dày lớp: 0.015-0.05 mm
Năng lượng laser: 100 w/200 w
Hệ thống quét: Điện kế cho độ chính xác cao
Tốc độ quét: 8 m/s
Phần mềm điều khiển: caoo
Cung cấp không khí: Ar / N2
Cung cấp năng lượng: 220 v ± 7% 50 HZ

EP-M250

Vật liệu: Thép không gỉ, thép maraging, hợp kim cơ sở niken, titan hợp kim, hợp kim crôm coban, hợp kim nhôm, hợp kim đồng
Dunh tích in: 250 x 250 x 300 mm
Độ dày lớp: 0.02 - 0.1 mm
Năng lượng laser: 200 w or 500 w
Hệ thống quét: High precision galvanometer
Tốc độ quét: 8 m/s
Phần mềm điều khiển: Eplus 3D printing software
Hỗ trợ hệ điều hành: Windows 7
Cung cấp không khí: Ar / N
Điện áp: 2380V±7% 50HZ

VẬT LIỆU, LINH KIỆN CHÍNH HÃNG SHINING 3D

DỰ ÁN THỰC HIỆN

- Dự án cho Volwwagen Europe
- Dự án cho Snow Business

KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

FPT | ETS VIỆT - ĐỨC | HOFACO CAN and WILL

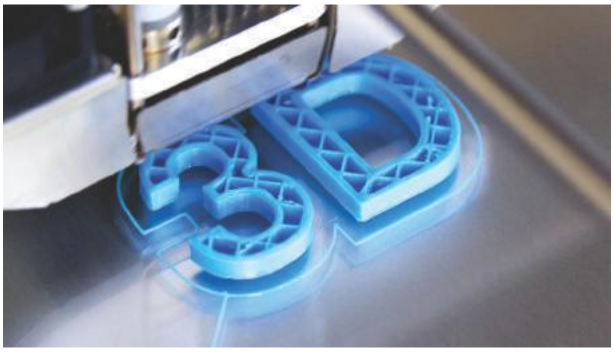

ĐỐI TÁC

Ultimaker | SHINING 3D | SHAREBOT | Tiertime

https://in3ds.com
https://shop.in3ds.com

CÔNG TY CỔ PHẦN IN3DS

VĂN PHÒNG TẠI HÀ NỘI:

- Phòng B1107, toà nhà Lạc Hồng Westlake, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội
- +84-24-32959 412/ +84-24-32010357
- Hotline/Zalo: 0904.890.709
- Info@in3ds.com
- live:bachnguyenxuan911

VPĐD TẠI ĐỒNG NAI:

- 19/38, tổ 22, khu phố 3, phường Tam Hòa, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Hotline/Zalo: 0904.890.709

VPĐD TẠI CẦN THƠ:

- 217, Đồng Văn Cống, Phường An Thới, Quận Bình Thuỷ, Thành phố Cần Thơ
- Hotline/Zalo: 0904.890.709